

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 08.24 Board 1

Group C14
Round 4

WHITE Li Peishan						FED CHN			RESULT (W) 1		
BLACK Egshiglen Bayasgalan.						FED MGL			RESULT (B) 0		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4.	c5.	21	Qd8	Rfd8.	41	g4.	Ke7.	61		
2	Nf3.	d6.	22	ef.	f6.	42	Kg2.	Kd6.	62		
3	d4.	cd.	23	Bf3.	Bc6.	43	Kf3.	Kd5.	63		
4	Nd4.	Nf6.	24	Bc6.	bc.	44	Kg3.	Kd4.	64		
5	Nc3.	ag.	25	Ne6.	Rd7.	45	Rf3.	Kc4	65		
6	Be2.	e5.	26	Rf4.	d5.	46	Kh4.	Rh8	66		
7	Nb3.	Be6.	27	ct.	do.	47	Kh5.	Kd5	67		
8	O-O.	Be7.	28	Rd7.	Wd7	48	Re3.	Kd4.	68		
9	f4.	ef.	29	Rc4.	Ne5.	49	Re6.	Ra8.	69		
10	Bf4.	Nc6.	30	Ra4.	a5.	50	Rf6.	Ra3.	70		
11	Qe1.	Ne5.	31	b4.	Rb8.	51	h4.	Rb3.	71		
12	Rd1.	Qb6.	32	Re5.	Kg8.	52	Kh3.	Rb4	72		
13	Kh1.	O-O.	33	a3.	Nc4.	53	Re6.		73		
14	Qg3.	Qc7.	34	Ra8.	h6.	54			74		
15	Nd4.	Bd7.	35	h3.	Kf7.	55			75		
16	Bg5.	Kh8.	36	Nd4.	Ne5.	56			76		
17	Bf6.	Bf6.	37	Nc6.	Nc6	57			77		
18	Nd5.	Qd8.	38	Rc6.	Ra8.	58			78		
19	Nf6.	gf.	39	Rc7.	Kg8.	59			79		
20	Qh4.	f5.	40	Rc3.	Kf7.	60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
Li Peishan			Egshiglen.			/m					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 2026.8.24 Board 1

Group C14
Round 4

WHITE Li Peishan						FED CHN			RESULT (W) 1		
BLACK Egshiglen Bayasgalan						FED MGL			RESULT (B) 0		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	e4	c5	21	Qd8	Rfd8	41	g4	Ke7	61		
2	Nf3	db.	22	ef.	f6	42	Kf3	Kd6	62		
3	d4	cd.	23	Bf3	Bc6.	43	Kf3	Kd5	63		
4	Nd4.	Nf6.	24	Bc6.	bc.	44	Kf3	Kd4	64		
5	Nc3.	ag.	25	Ne6	Rd7	45	Rf3	Kc4	65		
6	Be2.	e5.	26	Rf4	d5	46	Kh4	Rh8	66		
7	Nb3	Be6.	27	ct	do.	47	Kh5	Kd5	67		
8	O-O	Be7.	28	Rd7	Wd7	48	Re3.	Kd4	68		
9	f4	ef.	29	Rc4	Ne5	49	Re6.	Ra8	69		
10	Bf4	Nc6	30	Ra4	a5	50	Rf6.	Ra3	70		
11	Qe1	Ne5	31	b4	Rb8	51	h4	Rb3	71		
12	Rd1	Qb6.	32	Re5	Kg8	52	Kh3	Rb4	72		
13	Kh1	O-O	33	a3	Nc4	53	Re6.		73		
14	Qg3	Qc7	34	Ra8	h6	54			74		
15	Nd4	Bd7	35	h3	Kf7	55			75		
16	Bg5	Kh8	36	Nd4	Ne5	56			76		
17	Bf6	Bf6	37	Nc6	Nc6	57			77		
18	Nd5	Qd8	38	Rc6	Ra8	58			78		
19	Nf6	gf.	39	Rc7	Kg8	59			79		
20	Qh4	f5.	40	Rc3	Kf7	60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
Li Peishan			Egshiglen.			/m					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026

2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date

24/08/26

Group G14

Round 4

Board 2

WHITE Nicolas, Nika Juris						FED PHI			RESULT (W) 1/2		
BLACK Nguyen, Ngoc Truc Quynh						FED VIE			RESULT (B) 1/2		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	c4	Nf6	21	e4	Nf8	41			61		
2	Nf3	e6	22	Qe2	Bf6	42			62		
3	Q3	d5	23	Ps	Bo7	43			63		
4	Bg2	dxc4	24	Ba1	cxb3	44			64		
5	Qa4	bd7	25	axb3	Rc2	45			65		
6	Qxc4	c5	26	Rc2	a5	46			66		
7	Ne5	Qc8	27	d5	Pxd5	47			67		
8	Qd3	Be7	28	Bxd5	Rxc1	48			68		
9	O-O	O-O	29	Bxc1	Nc7	49			69		
10	Nc3	Rd8	30	Be4	Nb6	50			70		
11	Nxd7	Nbxd7	31	Rxd8	Bxd8	51			71		
12	b3	Qb	32	Rc3	Qb8	52			72		
13	Bb2	Qc7	33	Bc2	b4	53			73		
14	Rac1	Rac8	34	Qb5	Qxb5	54			74		
15	Qb1	b5	35	Bxb5	Bc7	55			75		
16	Rfd1	Qb6	36	Bb6	Rd8	56			76		
17	Ne4	h6	37	Bc5	Be7	57			77		
18	d4	Nxe4	38	Bc4	Bd3	58			78		
19	Qxc4	Nf6	39			59			79		
20	Qf3	c4	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
Nicolas			Nguyen			Lim					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026

2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date

24/08

Group G14

Round 04

Board 02

WHITE Nicolas, Nika Juris						FED PHT			RESULT (W) 1/2		
BLACK Nguyen, Ngoc Truc Quynh						FED VIE			RESULT (B) 1/2		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	c4 ³⁰	Nf6 ²⁹	21	e4 ³¹	Nf8 ³⁶	41			61		
2	Nf3 ⁻	e6 ²⁶	22	Qe2 ²⁵	Bf6 ³⁴	42			62		
3	Q3 ⁻	d5 ²⁴	23	Ps ⁻	Bo7 ³³	43			63		
4	Bg2 ³¹	dxc4 ⁻	24	Ba1 ²⁵	cxb3 ³⁰	44			64		
5	Qa4 ³⁰	bd7 ²³	25	axb3 ⁻	Rc7 ²⁹	45			65		
6	Qxc4 ²⁹	c5 ²⁰	26	Bh2 ²⁴	a5 ²⁷	46			66		
7	Ne5 ²⁶	Qc8 ¹⁸	27	d5 ²³	ed ²⁶	47			67		
8	Qd3 ²⁵	Be7 ¹⁴	28	Bd5 ²¹	Rc1 ²⁵	48			68		
9	O-O ²⁰	O-O ¹³	29	Bc1 ²³	Nc7 ²⁴	49			69		
10	Nc3 ¹⁸	Rd8 ¹¹	30	Be4 ²²	Nb6 ²²	50			70		
11	Nxd7 ¹⁵	Nbd7 ⁸	31	Rd8 ²²	Bd8 ²¹	51			71		
12	b3 ¹³	a6 ⁶	32	Bc3 ¹⁹	Qb8 ²⁰	52			72		
13	Bb2 ¹¹	Qc7 ⁴	33	Bc6 ¹⁷	b4 ¹⁷	53			73		
14	Rac1 ⁹	Rac8 ¹	34	Qb5 ¹³	Qb5 ¹⁵	54			74		
15	Qb1 ³	b5 ⁵⁹	35	Qb5 ¹⁴	Be7 ¹⁴	55			75		
16	Rfd1 ⁵⁴	Qb6 ⁵⁶	36	Qb6 ¹³	Bd8 ¹⁵	56			76		
17	Ne4 ⁴⁵	h6 ⁵¹	37	Be3 ⁻	Be7 ⁻	57			77		
18	d4 ⁴²	Ne4 ⁴⁸	38	Bb6 ¹²	Bd8 ¹⁵	58			78		
19	Qe1 ³⁹	Mf6 ⁴⁷	39			59			79		
20	Qf3 ³⁵	c4 ⁴²	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
Nicolas			Nguyen			Lim					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 2026.8.24 Board 3

12=12

WHITE Rosnizam, Iz Zaza Aisyah												FED MAS	RESULT (W) 1
BLACK Tong, Yiji												FED CHN	RESULT (B) 1
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK		
1	e4	e5	21	Qe2	f5	41			61				
2	Nf3	Nc6	22	Nc4	t4	42			62				
3	Nc3	Nf6	23	Ra1	Bd7	43			63				
4	Bb5	Bb4	24	Qf3	Qe6	44			64				
5	Nd5	Re7	25	Rh1	Qf6	45			65				
6	Nb7	Qe7	26	Kg1	Nc6	46			66				
7	O-O	O-O	27	c3	Bb5	47			67				
8	d3	d6	28	Kg2	Qe7	48			68				
9	h3	a6	29	Qd1	f3	49			69				
10	Bc6	bc	30	Kg1	Bc4	50			70				
11	Re1	c5	31	dc	d5	51			71				
12	b3	Bb7	32	Bc1	Nf4	52			72				
13	Bb2	Bc6	33	b4	cb	53			73				
14	Nb6	g6	34	ch	Nd4	54			74				
15	Nc4	Nf5	35	Qd2	Nc5	55			75				
16	Nc3	Nf4	36	Kh2	Rf4	56			76				
17	Kh2	h5	37	Kf3	Re6	57			77				
18	g3	Nc6	38	Kh2	Qf4	58			78				
19	Rg1	Kh7	39			59			79				
20	h4	Ng7	40			60			80				
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)							
Zdc			Tong			lin							

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 24/8/2026 Board 3

12=12

WHITE Rosnizam, Iz Zaza Aisyah												FED MAS	RESULT (W) 0
BLACK Tong, Yiji												FED CHN	RESULT (B) 1
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK		
1	e4	e5	21	Qe2	f5	41			61				
2	Nf3	Nc6	22	Nc4	f4	42			62				
3	Nc3	Nf6	23	Kaf1	Bd7	43			63				
4	Bb5	Bb4	24	Qf3	Qe6	44			64				
5	Nd5	Re7	25	Rh1	Qf6	45			65				
6	Nb7	Qe7	26	Kg1	Nc6	46			66				
7	O-O	O-O	27	c3	Bb5	47			67				
8	d3	d6	28	Kg2	Qe7	48			68				
9	h3	a6	29	Qd1	f3	49			69				
10	Bc6	bc	30	Kg1	Bc4	50			70				
11	Re1	c5	31	dc	d5	51			71				
12	b3	Bb7	32	Bc1	Nf4	52			72				
13	Bb2	Bc6	33	b4	cb	53			73				
14	Nb6	g6	34	Wd4	Qd2	54			74				
15	Nc4	Nf5	35	Nc2	Kh2	55			75				
16	Nc3	Nf4	36	Kh2	Qe6	56			76				
17	Kh2	h5	37	Kh2		57			77				
18	g3	Nc6	38			58			78				
19	Kg1	Kh7	39			59			79				
20	h4	Ng7	40			60			80				
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)							
Zdc			Tong			lin							

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026

2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date

2026.8.24

Group

G14

Round

4

Board

4

WHITE Wang Leyi						FED CHN		RESULT (W) $\frac{1}{2}$			
BLACK Gao Ruoya						FED CHN		RESULT (B) $\frac{1}{2}$			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Nf3	21	Qc4	Qa5	41			61		
2		Nf3	22	Bd2	Qa5	42			62		
3	g3	e6	23	h4	Rbc8	43			63		
4	Bg2	c5	24	Qf4	Bf6	44			64		
5	c4	Nc6	25	Rac1	e5	45			65		
6	dc	Bc7	26	Qf3	Bf6	46			66		
7	cd	Nd5	27	Re3	Rf6	47			67		
8	o-o	o-o	28	Rfe1	Be7	48			68		
9	Qc2	Be7	29	Ne4	Rc1	49			69		
10	a3	Bd7	30	Bd1	Rg8	50			70		
11	Bd2	Rc8	31	Nf5	f6	51			71		
12	Nc3	Nd5	32	Qa7	Kf8	52			72		
13	Qd1	Nb6	33	Nf3	Qe2	53			73		
14	Nd4	Nc4	34	Be3	Rd1	54			74		
15	Nc4	Nc4	35			55			75		
16	Bb7	Rb8	36			56			76		
17	Be4	Rb2	37			57			77		
18	Bc1	Rb8	38			58			78		
19	Bh7	Kh7	39			59			79		
20	Qd3	Nf8	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE) Wang Leyi			SIGNATURE (BLACK) Gao			SIGNATURE (ARBITER) Lin					

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026

2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date

2026.08.24

Group

G14

Round

4

Board

4

WHITE Wang, Leyi						FED CHN		RESULT (W) 0.5			
BLACK Gao, Ruoya						FED CHN		RESULT (B) 0.5			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	Nf6	21	Qc4	Qa5	41			61		
2	Nf3	d5	22	Bd2	Qa5	42			62		
3	g3	e6	23	h4	Rbc8	43			63		
4	Bg2	c5	24	Qf4	Bf6	44			64		
5	c4	Nc6	25	Rac1	e5	45			65		
6	dc	Bc5	26	Qf3	Bf6	46			66		
7	cd	Nd5	27	Qe3	Rf6	47			67		
8	o-o	o-o	28	Rfe1	Be7	48			68		
9	Qc2	Be7	29	Ne4	Rc1	49			69		
10	a3	Bd7	30	Bc1	Qa8	50			70		
11	Bd2	Rc8	31	Nf6	f6	51			71		
12	Nc3	Na5	32	Qa7	Kf8	52			72		
13	Qd1	Nb6	33	Nf3	Qc2	53			73		
14	Ne5	Nbcl	34	Be3	Rd1	54			74		
15	Nc4	Nc4	35			55			75		
16	Bb7	Rb8	36			56			76		
17	Be4	Rb2	37			57			77		
18	Bc1	Rb8	38			58			78		
19	Bh7	Kh7	39			59			79		
20	Qd3	Nf8	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE) Wang Leyi			SIGNATURE (BLACK) Gao			SIGNATURE (ARBITER) Lin					

11207

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 24/08/26

Group G14
Round 4
Board 5

WHITE Khulan Bayarsaikhan						FED MGL		RESULT (W) 0			
BLACK Pawn Chavi Alisha Egbert						FED INA		RESULT (B) 1			
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	Nxe4	Bc7	41			61		
2	c4	e6	22	Rec1	Rd8	42			62		
3	Nc3	Nf6	23	Qb3	Rd4	43			63		
4	Bg5	c6	24	Qxb7	Qf4	44			64		
5	cxd5	exd5	25	Qxc6	R8xe6	45			65		
6	e3	Bd6	26	Qxc2	Re1	46			66		
7	Bd3	O-O	27	Kf2	Rd2	47			67		
8	h3	Re8	28	Kxe1	Qe3	48			68		
9	Nf3	Nb7	29	Kf1	Qf2	49			69		
10	O-O	Qc7	30			50			70		
11	Qc2	h6	31			51			71		
12	Bxf6	Nxf6	32			52			72		
13	a3	a5	33			53			73		
14	Rb1	Qe7	34			54			74		
15	Rfe1	Ney	35			55			75		
16	Nd2	Bf5	36			56			76		
17	f3	Nd2	37			57			77		
18	Qxd2	Bxd3	38			58			78		
19	Qxd5	Qh4	39			59			79		
20	e4	dxe4	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE)			SIGNATURE (BLACK)			SIGNATURE (ARBITER)					
Khulan.						lin					

11207

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)



Date 2026.8.24

Group G14
Round 4
Board 5

WHITE Khulan Bayarsaikhan						FED ~~INA~~ MGL		2020.02.11		RESULT (W) 0	
BLACK Dawn Chavi Alisha Egbert						FED ~~INA~~ TNA				RESULT (B) 1	
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	d4	d5	21	Ne4	Bc7	41			61		
2	c4	e6	22	Rec1	Rd8	42			62		
3	Nc3	Nf6	23	Qb3	Rd4	43			63		
4	Bg5	c6	24	Qb7	Qf4	44			64		
5	cd	ed	25	Qc6	Re4	45			65		
6	e3	Bd6	26	Qd7	Re1	46			66		
7	Bd3	O-O	27	Kf2	~~Rd2~~	47			67		
8	h3	Re8	28	~~Qe1~~	~~Qe3~~	48			68		
9	Nf3	Nd7	29	Kf1	Qf2	49			69		
10	O-O	Qc7	30			50			70		
11	Qc2	h6	31			51			71		
12	Bxf6	Nxf6	32			52			72		
13	a3	a5	33			53			73		
14	Rab1	Qe7	34			54			74		
15	Rfe1	Ne4	35			55			75		
16	Nd2	Bf5	36			56			76		
17	f3	Nd2	37			57			77		
18	Qd2	Bd3	38			58			78		
19	Qd3	Qh4	39			59			79		
20	e4	de	40			60			80		
SIGNATURE (WHITE) Khulan			SIGNATURE (BLACK) 			SIGNATURE (ARBITER) lin					

10:37

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Date
24th Aug

Group G14
Round 4
Board 6

WHITE Wong, En Ting Alesa						FED SGP			RESULT(W) 1		
BLACK Pellet, Yuna						FED JPN			RESULT(B) 0		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	c4	e5	21	Be4	Kc2	41			61		
2	Nc3	Nf5	22	Bxh7	Kh8	42			62		
3	d3	Bb4	23	Bg6	Kg8	43			63		
4	Nf3	Nc6	24	Ah7	Ke8	44			64		
5	Bd2	d6	25	Gxf7		45			65		
6	g3	0-0	26			46			66		
7	Bg2	Re8	27			47			67		
8	0-0	Bf5	28			48			68		
9	a3	Bc5	29			49			69		
10	b4	Bb6	30			50			70		
11	Nh4	Be6	31			51			71		
12	b5	Na5	32			52			72		
13	Na4	Rb8	33			53			73		
14	Nxb6	axb6	34			54			74		
15	f4	Bd7	35			55			75		
16	fxc5	dxc5	36			56			76		
17	Bg5	cb	37			57			77		
18	Bxf6	Gxf6	38			58			78		
19	Qd2	Nb3	39			59			79		
20	Qh6	Nxa1	40			60			80		
SIGNATURE(WHITE)			SIGNATURE(BLACK)			SIGNATURE(ARBITER)			3		

10:37

10th Eastern Asia Youth Chess Championships 2026
2026第十届东亚青少年国际象棋锦标赛(海南昌江)

Date
24/8

Group G14
Round 4
Board 6

WHITE Wong, En Ting Alesa						FED SGP			RESULT(W) 1		
BLACK Pellet, Yuna						FED JPN			RESULT(B) 0		
#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK	#	WHITE	BLACK
1	c4	e5	21	Be4	Nc2	41			61		
2	Nc3	Nf6	22	Bh7	Kh8	42			62		
3	d3	Bb4	23	Bg6	Kg8	43			63		
4	Nf3	Nc6	24	Kf8	Qf7	44			64		
5	Bd2	d6	25			45			65		
6	g3	0-0	26			46			66		
7	Bg2	Re8	27			47			67		
8	0-0	Bf5	28			48			68		
9	a3	Bc5	29			49			69		
10	b4	Bb6	30			50			70		
11	Nh4	Be6	31			51			71		
12	b5	Na5	32			52			72		
13	Na4	Rb8	33			53			73		
14	Nxb6	axb6	34			54			74		
15	f4	Bd7	35			55			75		
16	fxc5	dxc5	36			56			76		
17	Bg5	cb	37			57			77		
18	Bxf6	Gxf6	38			58			78		
19	Qd2	Nb3	39			59			79		
20	Qh6	Nxa1	40			60			80		
SIGNATURE(WHITE)			SIGNATURE(BLACK)			SIGNATURE(ARBITER)			3		